PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

ÂN ĐỨC PHÁP BẢO *(DHAMMA GUṆA)*
ÂN ĐỨC TĂNG BẢO *(SAṄGHA GUṆA)*

Phiên dịch
Đại Trưởng lão Bửu Chơn
(Nāga Mahā Thera)

Tác phẩm 5 trong quyển
Toàn tập
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG BỬU CHƠN
(NĀGA MAHĀ THERA)

Xuất bản năm Dl. 2016 – Pl.2559

MỤC LỤC

Phi Lộ 3
Dhamma Guṇa – Ân Đức Pháp Bảo 4
Saṅgha Guṅa – Ân Đức Tăng Bảo 24

Phi Lộ

Người Phật tử thuần thành là hiểu rõ Ân đức Tam bảo, mới có đức tin trong sạch ăn sâu vào ngôi Tam bảo được. Vì vậy, nên bần tăng nhận thấy ân đức Tam bảo rất cần thiết cho người tu Phật, xuất gia cũng như tại gia.

Ân đức Phật bảo được xuất bản lâu rồi, nhưng chỉ còn hai Ân đức Pháp bảo và Ân đức Tăng bảo chưa có dịp phiên dịch mà thôi.

Nay mặc dù bận nhiều Phật sự, nhưng do yêu cầu của nhiều Phật tử nên mới cố gắng phiên dịch thêm cho đủ ba ân đức quan trọng của Tam bảo.

Do công đức phiên dịch này, bần tăng hồi hướng đến thầy tổ và song thân đã quá vãng, cầu xin oai lực pháp thí này cho các ngài được tăng trưởng nhiều sự an vui nơi nhàn cảnh. Và cũng cầu cho oai lực pháp thí này sẽ đem lại sự an vui cho tất cả chúng sanh trên thế giới nhứt là cho dân tộc Việt Nam được sớm thanh bình, an lạc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Rất mong thay!

Đại Trưởng Lão Bửu Chơn (Nāga Mahā Thera)
Cố vấn Tinh thần Phật giáo Thế giới.

Namo tasa Bhagavato Arahato Sammāsambuddho
Cung kính Đức Thế Tôn, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.
Namatthu ratanattayassa
Con xin hết lòng thành kính làm lễ Tam bảo một cách tóm tắt.

Dhamma Guṇa – Ân Đức Pháp Bảo

Vấn: *Tiếng nói "Pháp"* (*Dhamma*) *có ý nghĩa ra sao? Và có ân đức như thế nào?*

Đáp: Tại nơi đây, Pháp có trạng thái thực tế, chắc chắn hay là một phương châm đúng đắn và tốt đẹp. Pháp có ân đức để giữ gìn, bảo vệ cho chúng sanh nào thực hành theo đúng đắn, không cho sa vào nơi thấp hèn, cho thoát khỏi cảnh khổ. Pháp có tính cách soi sáng cho chúng sanh nào còn tối tăm mê muội, cho thấy rõ điều phải lẽ quấy, tội phước và con đường hành trình đến Thiên giới và Niết-bàn, và chỉ rõ cho thấy sự an vui, hạnh phúc. Pháp ví như ngọn đèn, hay mặt trời có tính cách soi sáng cho chúng sanh trong cõi thế gian làm cho mất sự tối tăm u ám. Một khi sự tối tăm đã mất đi rồi thì chúng sanh có thể thấy rõ con đường yên ổn, tốt đẹp đưa đến cảnh an vui, thanh tịnh.

Vấn: *Ân đức Pháp chỉ có bấy nhiêu đó hay là còn chi khác nữa?*

Đáp: Còn rất nhiều ân đức khác nữa, như là: Pháp học (*pariyatti dhamma*); Pháp hành (*patipatti dhamma*); Pháp thành (*pativedha dhamma*) (chín Thánh pháp: bốn đạo, bốn quả và Niết-bàn) mà Đức Phật đã thuyết ra một cách hoàn hảo và tốt đẹp.

Vấn: *Thế nào gọi là "Pháp học" và thiện hảo như thế nào?*

Đáp: Pháp dùng trong việc nghiên cứu học hỏi, đọc tới đọc lui cho thuần thục, gọi là Pháp học (*pariyatti dhamma*), là chủ yếu đến tất cả Phật ngôn trong Tam Tạng, là Pháp học mà Đức Phật đã khải thuyết thiện hảo trong phần đầu (sơ thiện), thiện hảo trong phần giữa (trung thiện) và thiện hảo trong phần cuối (hậu thiện).

Giải thích rằng: Đức Thiên Nhân Sư chỉ khải thuyết một câu kệ gồm bốn câu cũng thiện hảo trong ba giai đoạn, là khởi câu đầu thì thiện hảo ở phần đầu, thuyết đến câu thứ hai và câu thứ ba thì thiện hảo ở phần giữa, và thuyết đến câu thứ tư thì thiện hảo ở phần cuối. Nếu thuyết về bài kinh thì thiện hảo ở phần đầu là ở chỗ câu chuyện và nguyên nhân phát sanh lên bài pháp ấy, thiện hảo ở phần giữa là uyên bác, chính xác vừa thích hợp cho trình độ chúng sanh hay nhân vật ấy được thính pháp đúng theo lý luận, thiện hảo ở phần cuối là thêm nguyên nhân để đưa hàng thính chúng ấy có đức tin (*saddhā*). Hơn nữa, Giáo pháp của Đức

Phật thiện hảo ở phần đầu là giới, thiện hảo ở phần giữa là thiền định, minh sát, đạo và quả, thiện hảo ở phần cuối là Niết-bàn. Nói một cách khác nữa, là thiện hảo ở phần đầu là thiền định, thiện hảo ở phần giữa là minh sát và đạo, thiện hảo ở phần cuối là quả và Niết-bàn. Lại nữa, Giáo pháp của Đức Phật là đem lại rất nhiều điều lợi ích cho hàng thính chúng được dứt bỏ, đè nén các pháp triền cái hay là pháp ngăn cản. Bởi vậy cho nên thiện hảo ở phần đầu là đem lại ân đức quý báu cho người thực hành theo, thiện hảo ở phần cuối là đem sự lợi ích rất cao thượng cho hành giả là chứng đắc được đạo quả Niết-bàn.

Hơn thế nữa, Đức Phật đã khải thuyết về Pháp học rất thiện hảo và tốt đẹp, đầy đủ chi tiết về "Phạm hạnh và đạo hạnh".

Giải thích rằng: Huấn từ mà Đức Phật đã giảng thuyết gọi là "Phạm hạnh", con đường Bát Chánh có tám nẻo gọi là "Đạo hạnh". Cả hai điều phạm hạnh này Đức Phật khải thuyết một cách đầy đủ chi tiết, thanh tịnh, không có chỗ hở để thêm bớt được nữa. Cũng như về Tứ niệm xứ thì không ai có thể nói là thiếu rồi lại thêm vô thành "Ngũ niệm xứ" được. Hoặc là Bát chánh đạo thì Đức Phật đã khải thuyết rồi, cho dù một bậc trí tuệ nào có thể tìm lỗi để thêm vô hoặc bớt ra được nữa. Như vậy, cho nên gọi là Pháp học mà Đức Phật đã giảng giải một cách thanh tịnh và thiện hảo.

Tất cả Giáo pháp của Đức Phật đã giảng giải, nếu nói về phận sự thì chỉ có một, nói về Giáo pháp thì có hai là Pháp và Luật, nói về Tạng thì có ba là Luật, Kinh và Vô Tỷ Pháp, nói về bộ kinh thì có năm bộ kinh *(nikāya)*, nói về chi thì có chín chi, nói về pháp môn thì có tám mươi bốn ngàn pháp môn.

***Vấn:** Chỗ nói Giáo pháp của Đức Phật chỉ có một phận sự là như thế nào?*

Đáp: Nói về Phật sự chỉ có một, có nghĩa là từ khi Đức Phật chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng giác cho đến khi viên tịch Niết-bàn trong suốt bốn mươi lăm năm. Đức Phật đã luôn luôn thuyết pháp độ Chư Thiên, Nhân loại, Dạ xoa v.v... không ngừng nghỉ. Tất cả những Phật ngôn ấy gom lại chỉ có một phận sự hay gọi là "hương vị" (*rasa*) đó là "hương vị giải thoát" (*vimutti rasa*) cũng như tất cả biển cả trên thế gian này chỉ có một vị duy nhất, đó là "vị mặn".

***Vấn**: Chỗ nói Phật ngôn có hai, là pháp (Dhamma) và Luật (Vinaya) là như thế nào?*

Đáp: Tất cả những huấn từ của Đức Phật, khi kết hợp lại thì chỉ có hai là Pháp và Luật mà thôi. Bởi vì tất cả điều giới học trong Tạng Luật đều được gọi một danh từ là "Luật". Ngoài ra, tất cả những huấn từ còn lại của Đức Phật đều được gọi là "Pháp". Bởi vậy cho nên khi kiết tập lần thứ nhất, đại trưởng lão Mahā Kassapa đã có nói như sau: "Yannūna mayaṃ āvuso dhammañca vinayañca

sangāgheyyāma – Này chư hiền giả, như vậy chúng ta nên đồng nhau trùng tụng và sắp xếp Pháp và Luật lại”.

Cũng như Đức Phật đã căn dặn đại trưởng lão Ānanda trong hai câu kệ sau đây: “Yo vo Ānanda, mayā dhammo ca vinayo ca desito paññatto so vo mamacca yena satthā – Này Ānanda, pháp nào mà Như Lai đã giảng giải rồi, Luật nào mà Như Lai đã chế định rồi, Pháp và Luật ấy, khi Như Lai đã tịch diệt, là thầy của các con vậy”.

***Vấn**: Chỗ nói Phật ngôn có ba là như thế nào?*

Đáp: Chỗ nói Phật ngôn có ba là: Phật ngôn mà lúc Đức Phật vừa thành đạo quả và khải thuyết ra lần đầu tiên gọi là sơ Phật ngôn, Phật ngôn mà lúc Đức Phật khải thuyết sau đó, tất cả được gọi là trung Phật ngôn, Phật ngôn mà Đức Phật khải thuyết lần cuối cùng trước lúc viên tịch Niết-bàn gọi là hậu Phật ngôn (di huấn tối hậu).

Khi vừa mới chứng đắc đạo quả, Đức Phật hân hoan duyệt ý nên thốt lên lời chánh tri kiến như sau: “Anekajāti samsāraṃ sandhāvisaṃ anibbisaṃ gahakārakaṃ gavesanto dukkhā jāti punappunaṃ gahakāraka dittho'si puna gehaṃ na kāhasi sabbā te phāsukā bhaggā gahajūtaṃ visankhitaṃ visankhāragataṃ cittaṃ tanhānaṃ khayaṃ ajihagā – Xuyên qua nhiều kiếp sống, Như Lai thênh thang đi trong vòng luân hồi để tìm, nhưng không gặp, người thợ cất nhà này. Phiền muộn thay, đời sống triền miên tái diễn. Này hỡi người thợ làm nhà! Ngươi đã bị bắt gặp. Ngươi không còn cất nhà nữa. Tất cả rui mè của ngươi đã gãy. Cây đòn dông của ngươi cũng bị phá tan”.

Còn về Phật ngôn tối hậu sau cùng trước khi Đức Phật sắp viên tịch Niết-bàn đã nói như sau: “Amantiyāmi vo bhikkhave khayavaya dhammā saṅkhārā appamādena sumpādetha – Này chư tỳ kheo, nay ta khuyên dạy các ngươi: Các pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật”. (Có nghĩa là: Này chư tỳ kheo, nay ta có lời căn dặn đến chư tỳ kheo rằng: Các pháp hữu vi thật không bền vững, có tánh cách tiêu hoại là thường, vậy chư tỳ kheo không nên dể duôi, ráng lo chu toàn phận sự của mỗi người cho được viên mãn).

Về phần trung Phật ngôn là Đức Phật khải thuyết tất cả Giáo pháp ở trong khoảng giữa của sơ Phật ngôn và hậu Phật ngôn.

***Vấn**: Chỗ nói Phật ngôn có ba tạng là như thế nào?*

Đáp: Tất cả Phật ngôn được kiết tập lại chỉ có ba là: Luật Tạng *(Vinaya Pitaka)*, Kinh Tạng *(Suttanta Pitaka)* và Vô Tỷ Tạng *(Abhidhamma Pitaka)*.

Giải thích rằng: Giới bổn Biệt biệt giải thoát giới - Patimokkha là phần cụ túc giới của chư tỳ kheo và giới bổn của chư tỳ kheo ni, hai sự phân tách *(vibhaṅga)*

của phận sự tỳ kheo và tỳ kheo ni, hai mươi hai phần *(khandala)*, mười sáu tiểu phần *(parivāra)* mà chư Thánh tăng đã kiết tập lần đầu tiên được gom kết lại thành Luật tạng.

Tất cả Phật ngôn ở trong năm bộ Kinh *(Nikāya)*, như là Trường bộ Kinh *(Dīgha Nikāya)* có ba mươi bốn bài kinh, Trung bộ Kinh *(Majjhima Nikāya)* có một trăm năm mươi hai bài kinh, Tương Ưng bộ Kinh *(Saṃyutta Nikāya)* có bảy ngàn bảy trăm sáu mươi hai bài kinh, Tăng Chi bộ Kinh *(Aṅguttara Nikāya)* có chín ngàn năm trăm năm mươi bảy bài kinh và Tiểu bộ Kinh *(Khuddaka Nikāya)* có được mười lăm tập kinh. Tất cả năm bộ Kinh này được kết hợp lại thành Kinh Tạng.

Tất cả Phật ngôn ở trong bảy bộ thuộc Vô Tỷ Pháp Tạng như là Pháp Tụ *(Dhammasaṅgaṇī)*, Phân Tách *(Vibhaṅga)*, Nguyên Chất Ngữ *(Dhātukāthā)*, Nhân Chế Định *(Puggalapaññatti)*, Ngữ Tông *(Kāthāvatthu)*, Song Đối *(Yamaka)*, và Phát Thú *(Patthāna)*.

Từ ngữ Luật *(Vinaya)* có ý nghĩa là *Phận sự đặc biệt"* hay là *"Luật lệ để trau dồi sửa đổi, sai biệt riêng lẻ"*.

Giải thích rằng: Luật của Đức Phật là chỉ có một. Tuy nhiên sở dĩ có sự sai biệt riêng lẻ là tùy theo đoạn của tội lỗi *(Āpatti)* như Bất Cộng Trụ thì có bốn, Tăng Tàng thì có mười ba v.v..., mỗi đoạn của tội lỗi đều có sự sai khác với nhau và riêng biệt.

Lại nữa, Luật có điểm đặc biệt như phần *"Anupaññatti"* chế định kế tiếp có nhiều sự lợi ích, như làm cho điều giới học trở nên gắt gao hay là dễ dãi bớt đi, cho nên gọi là điểm đặc biệt. Nói về lề lối thì để trau dồi thân, ngữ cho trở nên thanh tịnh, tốt đẹp, trang nghiêm, không sai trật, không ti liệt, không xấu xa trong mọi hành động.

Từ ngữ "Kinh" *(Nikāya)* có nghĩa là "nói ra" hoặc là "mực thước" hay là "kết lại".

Giải thích rằng: Pháp được nói ra có nhiều sự lợi ích cho mình và cho người khác mà Đức Phật đã khải thuyết ra tùy theo trình độ của mỗi nhân vật sai khác nhau. Chỗ nói rằng "mực thước" là đáng cho các bậc trí thức lấy theo đó mà làm tiêu chuẩn. Chỗ nói rằng "Kết lại" là kết lại thành xâu như xâu chuỗi hoa mà người thợ hoa khéo tay xâu kết lại một cách thiện xảo, nên được gọi là "Kinh".

Từ ngữ "Vô Tỷ Pháp" *(Abhidhamma)* có ý nghĩa là "Pháp có sự tiến hóa, nhất định, đáng tôn kính cúng dường, pháp không có sự nhầm lẫn và pháp cao thượng thù thắng".

Giải thích rằng: Chỗ được nói "Pháp có sự tiến hóa" là hành giả nào thực hành theo pháp ấy, có tâm bác ái rải ra khắp thập phương, làm cho thiền định phát sanh lên, có thể sanh về Thiên giới là cõi Sắc giới. Chỗ nói rằng "Pháp nhất định" là pháp ấy có đặc tính riêng biệt cho mỗi trạng thái như ngũ trần thì sắc trần không

lẫn lộn với thinh trần v.v... Chỗ nói rằng "Pháp đáng tôn kính cúng dường" là pháp ấy là những pháp hữu lậu *(sekkha)*, pháp vô lậu *(asekkha)* và pháp siêu xuất thế gian *(lokuttara)* đều được đáng tôn kính cúng dường. Chỗ nói rằng "Pháp không có sự nhầm lẫn" là các pháp ấy như sắc không có sự nhầm lẫn cho là thọ v.v... Chỗ nói rằng "Pháp cao thượng thù thắng" là các pháp ấy được Đức Phật khải thuyết ra như là Sắc giới pháp, Vô Tỷ pháp, Vô thượng pháp. Tất cả các pháp đã được giải thích gọi là "Vô Tỷ Pháp".

Kết hợp lại tất cả ba phần là Luật, Kinh và Vô Tỷ Pháp được gọi là Tam Tạng hay Pháp học.

Chỗ nói rằng "Tạng" có nghĩa là "thành phần" hay "vật chứa đựng". Vì Pháp học được chia ra nhiều lý lẽ sai biệt nhau nên gọi là "vật chứa đựng tất cả Phật ngôn".

– Tam Tạng ấy – nói về sự thuyết trình thì có ba ý nghĩa: *mệnh lệnh thuyết giảng (Ānādesanā*): Tạng Luật được Đức Phật khải thuyết do uy quyền của Ngài đã chế định về sự hành vi đúng hay sai; *từ chương thuyết giảng (Vohāradesanā)*: Tạng Kinh do Đức Phật khải thuyết diễn giải kiến thức để kêu gọi, khuyến khích và dắt dẫn chúng sanh; *siêu lý thuyết giảng (Paramatthadesanā)*: Tạng Vô Tỷ Pháp đã được Đức Phật khải thuyết ra toàn Giáo pháp sâu xa, thậm thâm vi diệu, cao quý thù thắng...

– Tam Tạng – nếu nói về giáo lý thì cũng có ba ý nghĩa như sau: lời thuyết giảng tùy theo tội lỗi của chúng sanh (*yathāparādha sāsanā*) là chủ yếu nói về Tạng Luật; lời thuyết giảng tùy theo trình độ và tánh tình của chúng sanh (*yathānuloma sāsanā*) là chủ yếu nói về Tạng Kinh; lời thuyết giảng bậc thù thắng tùy theo chúng sanh có nhiều ngã chấp (*yathādhamma sāsanā*) là chủ yếu nói về Tạng Vô Tỷ Pháp.

– Tam Tạng – nếu nói về Pháp học thì có ba ý nghĩa như sau: *điều học giới cao thượng (adhisila sīkkhā)*: pháp học đầu tiên là giới phần, chủ yếu nói về Tạng Luật; *điều học tâm cao thượng (adhicitta sīkkhā)*: pháp học phần giữa là tâm định, chủ yếu nói về Tạng Kinh; *điều học tuệ cao thượng (adhipannā sīkkhā)*: pháp học phần đoạn cuối là trí tuệ, chủ yếu nói về Tạng Vô Tỷ Pháp.

– Tam Tạng – nếu nói về sự dứt bỏ thì cũng được chia ra làm ba phần: *sự dứt bỏ phiền não thô thiển* (*vitikkama pahāna*) là pháp đối nghịch với giới hạnh, đây là chủ yếu nói về Tạng Luật; *sự dứt bỏ phiền não ngăn cản thiền định* (*pariyutthāna pahāna*) đây chủ yếu nói về Tạng Kinh; *sự dứt bỏ phiền não ngủ ngầm trong tâm* (*anusaya pahāna*) là pháp đối nghịch với trí tuệ, đây chủ yếu nói về Tạng Vô Tỷ Pháp.

– Trong Tam Tạng, mỗi tạng đều có bốn cách sâu xa, đó là: *pháp lý thậm thâm (dhamma gambhīra*): sâu xa về nguyên nhân; *nghĩa lý thậm thâm (attha gambhīra*): sâu xa về hậu quả lý luận; *thuyết giảng thậm thâm (desanā*

gambhīra): sâu xa về sự thuyết giảng; *giác ngộ thậm thâm (pativedha gambhīra)*: sâu xa về sự giác ngộ, hoặc sự lãnh hội về nhân quả, hoặc lý lẽ của Giáo pháp.

– Trong Tam Tạng có bốn thể loại ngôn ngữ, đó là: *Phật ngôn (Buddha bhāsita)*: ngôn ngữ chính thức do từ Đức Phật khải thuyết ra; *Thinh văn ngôn (Sāvaka bhāsita)*: ngôn ngữ do chính từ Thinh Văn đệ tử của Phật khải thuyết ra; *Đạo sĩ ngôn (Isi bhāsita*): ngôn ngữ do các vị Đạo sĩ chánh kiến thuộc về hàng chân ngôn khải thuyết ra; *Thiên ngôn (Devatā bhāsita*): ngôn ngữ do tự Chư Thiên khải thuyết ra.

– Về trạng thái của Pháp học, có ba thể loại, đó là:

Alaggaddūpamā pariyatti: Pháp học ví như người bắt rắn độc, là người có học theo Pháp học với tác ý xấu xa, bất thiện hảo, mong muốn được lợi lộc trong tứ vật dụng cúng dường, hoặc để tranh đua cầu danh, để có mặt mày tên tuổi với người, hoặc cố ý để trả lời những câu hỏi của hàng thính chúng cho thật hay, chớ không phải học rồi để suy xét theo trí tuệ để cho thấy rõ ân đức cao thượng của các pháp cần phải đạt đến. Vì vậy, mà phải chịu sự đau khổ lâu dài bởi do tác ý của sự học bất thiện hảo, được ví như người đi bắt rắn độc. Thấy rắn liền nắm bắt không nhằm chỗ nên bị rắn mổ cho phải bị bán sống bán chết, hoặc có khi phải bị mạng vong. Bởi do bắt rắn không đúng cách như thế nào thì người học Tam Tạng với tác ý bất thiện hảo cũng sẽ bị khổ đau cũng dường như thế ấy.

Nissaraṇattha Pariyatti: Pháp học mà người thọ trì cốt để thực hành theo pháp cao thượng, nhứt là thọ trì giới cho thật tinh nghiêm, để được thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Bhaṇḍāgariya Pariyatti: Pháp học mà các bậc Thánh nhân đã chứng đắc đạo quả rồi, tuy nhiên chỉ để bảo tồn Giáo pháp hay học hỏi thêm vì phận sự mà thôi.

– Cách thực hành, hành theo Tam Tạng có lợi ích sai biệt như sau: nếu vị tỳ kheo thực hành thiện hảo đúng theo Tạng Luật thì sẽ được chứng đắc “tam thắng trí” do nhờ vào giới hạnh; nếu vị tỳ kheo thực hành thiện hảo đúng theo Tạng Kinh thì sẽ được chứng đắc “lục thắng trí” do nhờ vào định hạnh; nếu vị tỳ kheo thực hành thiện hảo đúng theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì sẽ được chứng đắc “tứ tuệ phân tích” do nhờ vào tuệ hạnh.

Nếu thực hành sái quấy với Tạng Luật thì sẽ trở nên người “phá giới”. Nếu thực hành sái quấy với Tạng Kinh thì sẽ trở nên người “tà kiến”. Nếu thực hành sái quấy với Tạng Vô Tỷ Pháp thì tâm trí của người trở nên điên cuồng rối loạn.

Vấn: *Chỗ nói Phật ngôn chia ra làm năm bộ Kinh là như thế nào?*

Đáp: Tất cả Phật ngôn ở trong năm bộ Kinh *(Nikāya)*, như là Trường Bộ Kinh *(Dīgha Nikāya)* có ba mươi bốn bài kinh, Trung Bộ Kinh *(Majjhima Nikāya)* có một trăm năm mươi hai bài kinh, Tương Ưng Bộ Kinh *(Saṃyutta Nikāya)* có bảy ngàn bảy trăm sáu mươi hai bài kinh, Tăng Chi Bộ Kinh *(Aṅguttara Nikāya)* có chín ngàn năm trăm năm mươi bảy bài kinh và Tiểu Bộ Kinh *(Khuddaka Nikāya)* có mười lăm tập kinh. Tất cả năm bộ Kinh này được kết hợp lại thành Kinh Tạng.

***Vấn:** Chỗ nói Phật ngôn chia ra làm chín chi là như thế nào?*

Đáp: Chín chi ấy là: Sutta *(Kinh Tập)*, Geyya *(Thi Ca)*, Veyyākaraṇa *(Giải Thích)*, Gāthā *(Câu Kệ)*, Udāna *(Tự Thuyết Kinh)*, Itivuttaka *(Như Thị Nghĩa Kinh)*, Jātaka *(Bổn Sanh)*, Abbhūta *(Phi Thường)*, Vedalla *(Giáo Điều)*.

Giải thích rằng: Các bài kinh trong Suttanipāta *(Kinh Tập)* như là Maṅgala sutta *(Kinh Kiết Tường)*, Ratana sutta *(Kinh Tam bảo)*, v.v... và Ubhato vibhaṅga, Khandhaka, Parivāra v.v..., và các Phật ngôn khác trong Tạng Kinh đều gọi là Sutta *(Kinh Tập)* hết cả thảy. Geyya *(Thi ca)* là tất cả các đoạn kinh thuộc về "bài kệ" và các câu kệ trong phần Saṃyutta Nikāya *(Tương Ưng bộ Kinh)* đều gọi là Geyya *(Thi ca)* hết cả thảy. Veyyākaraṇa *(Giải thích)*: là tất cả bài kinh trong Tạng Vô Tỷ Pháp hoặc trong các bộ Kinh không có lẫn lộn kệ ngôn và Phật ngôn, không có liên quan tới tám chi còn lại, được gọi là Veyyākaraṇa *(Giải thích)* hết cả thảy. Gāthā *(Câu kệ)*: là những câu kệ của các vị Thánh Tỳ kheo Tăng *(Trưởng lão Tăng kệ)* và Thánh Tỳ kheo Ni *(Trưởng lão Ni kệ)* hoàn toàn không dính líu tới các bài kinh kia. Udāna *(Tự thuyết kinh)*: là tất cả tám mươi hai đoạn kinh luôn cả kệ ngôn do sự thỏa thích của bậc trí tuệ mà khải ngôn lên. Itivuttaka *(Như thị nghĩa kinh)*: là mười đoạn kinh do các hàng Thinh Văn đệ tử của Đức Phật nói lên dựa vào Phật ngôn của Đức Phật đã thuyết. Jātaka *(Bổn sanh)*: Nói về sự tích trong năm trăm tiền kiếp của tiền thân Đức Phật, khi hãy còn là Bồ tát. Abbhūta *(Phi thường)*: Nói về những pháp lạ chưa từng có, chưa từng nghe, bây giờ lại phát sanh lên, như trong thân người của Đại đức Ananda có bốn pháp lạ và đặc biệt v.v.. Vedalla *(Giáo điều)*: là các đoạn kinh khi vấn hỏi Đức Phật xong rồi, liền phát tâm thuần tịnh, hân hoan duyệt ý và thỏa lòng toại ý.

***Vấn**: Phật ngôn có tất cả tám mươi bốn ngàn pháp môn, làm thế nào chia ra được mỗi pháp môn?*

Đáp: Phật ngôn có tám mươi bốn ngàn pháp môn được chia ra như sau: bài kinh nào có mỗi liên kết (*anusandhi*) là mỗi sự liên hệ hay kết luận là mỗi pháp môn; trong mỗi bài kệ, với mỗi câu hỏi và mỗi câu trả lời đều là mỗi pháp môn; ở trong Tạng Vô Tỷ Pháp, mỗi phần "Mātikā – Mẫu Đề Tam" hoặc "Dukā – Mẫu Đề Nhị" hoặc "Catukā – Mẫu Đề Tứ" hay trong phần tâm với mỗi phần đều là pháp môn; về trong Tạng Luật, mỗi câu chuyện, mỗi một Mātikā (*Mẫu Đề*), mỗi điều giới học, mỗi cách phạm tội, mỗi các không phạm tội, mỗi sự phạm tội hay

không phạm tội, trong từng mỗi Mātikā đều là mỗi pháp môn. Và như thế là cách chia và tính từng pháp môn là như thế.

***Vấn**: Còn về Thánh đế (Lokuttara Dhamma) mà Đức Phật đã giảng giải một cách đúng đắn thiện hảo là như thế nào?*

Đáp: Gọi là "Thánh Pháp" mà Đức Phật giảng giải một cách thiện hảo, đó là giảng giải Pháp hành chân chánh đáng đưa đến Niết-bàn. Bởi vì, Niết-bàn mà con người tầm cầu để chứng đắc, phải thực hành thật thuần tịnh để xa lìa ái tình, sân hận, si mê, là phải thực hành theo tam học giới, định, tuệ. Vì giới để ngăn ngừa và dứt bỏ phiền não thô thiển của tham, sân, si. Với định thì dứt bỏ phiền não trung bình của tham, sân, si. Và sau cùng, là tuệ để diệt tất cả tham, sân, si loại phiền não vi tế. Đây là con đường chân chánh (Chánh Đạo), trung thực, kết tụ lại chảy vào trong một chỗ là Niết-bàn. Thí dụ như tất cả nước trong con sông Hằng đều chảy chung ra một con đường với nước con sông Yamunā, cùng với tất cả màu sắc, mùi vị v.v... cũng đều như nhau. Cũng như vậy, Thánh pháp mà Đức Phật đã khéo giảng thuyết rất chân chánh, trung thực, và thiện hảo đều như nhau.

***Vấn**: Vậy như thế nào là "Thánh Pháp"?*

Đáp: *Lokaṃ uttarantī'ti lokuttarā* – Pháp để cứu vớt chúng sanh ra khỏi thế gian, gọi là Thánh pháp. *Lokuttarantī'ti lokuttarā* – Pháp dẫn dắt chúng sanh được siêu xuất khỏi tam giới thế gian, gọi là Thánh pháp. *Loke atrekā'ti lokuttarā* – Pháp cao quý nhất trong thế gian, gọi là Thánh pháp.

***Vấn**: Vậy những Thánh pháp gồm có những chi?*

Đáp: Những Thánh pháp ấy gồm có: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Quyền, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát chánh đạo, Bốn Đạo, Bốn Quả và một Niết-bàn.

***Vấn**: Tứ Niệm Xứ là như thế nào?*

Đáp: Tứ Niệm Xứ có bốn, đó là: *kāyānupassanāsatipaṭṭhāna* – thân tùy quán niệm xứ là niệm thân trong thân; *vedanānupassanāsatipaṭṭhāna* – thọ tùy quán niệm xứ là niệm thọ trong thọ; *cittānupassanāsatipaṭṭhāna* – tâm tùy quán niệm xứ: là niệm tâm trong tâm; *dhammānupassanāsatipaṭṭhāna* – pháp tùy quán niệm xứ là niệm pháp trong pháp.

***Vấn**: Thế nào là niệm thân?*

Đáp: Phải thẩm sát chú niệm như sau: thân này là nơi phối hợp giả tạo của tứ đại: đất, nước, lửa, gió. Tất cả đều là vô thường, khổ đau và vô ngã. Khi thẩm sát

chú niệm thường xuyên như vậy thì khởi tâm chán nản, dứt bỏ các sự mê thích trong xác thân này. Khi tâm sát chú niệm về vô thường thì sẽ dứt bỏ được tư tưởng cho xác thân này là bền vững. Khi thẩm sát chú niệm về khổ đau thì sẽ dứt bỏ được tư tưởng cho xác thân này là an lạc. Khi thẩm sát chú niệm về vô ngã thì sẽ dứt bỏ được tư tưởng cho xác thân này là của ta. Khi tâm đã chán nản thì sẽ dứt bỏ được sự mê thích. Khi dứt bỏ được sự mê thích thì sẽ dứt bỏ được ái dục. Khi dứt bỏ được ái dục thì không còn có sự cố chấp nữa, mà khi không còn có sự cố chấp thì không còn có sự chấp thủ *(upādāna)* vào ngũ uẩn thì sẽ được giải thoát.

***Vấn**: Thế nào là niệm thọ?*

Đáp: Khi một cảm thọ hỷ, thọ khổ, thọ xả thì phải thẩm sát chú niệm rằng thọ là vô thường, khổ đau và vô ngã. Lâu dần, khởi tâm chán nản không còn mê thích theo cảm thọ ấy và dứt bỏ sự cố chấp cảm thọ ấy, tương tự như cách thẩm sát về thân.

***Vấn**: Thế nào là niệm tâm?*

Đáp: Khi tâm có tham ái khởi sanh (hoặc trong mười sáu cái tâm là đối tượng để thẩm sát chú niệm) thì liễu tri tâm tham ái đã khởi sanh và thẩm sát chú niệm rằng tâm tham ái này cũng là vô thường, khổ não và vô ngã. Lâu dần, khởi tâm chán nản không còn mê thích theo tâm tham ái ấy nữa và dứt bỏ sự cố chấp theo tâm tham ái ấy, tương tự như cách thẩm sát về thân.

***Vấn**: Thế nào là niệm pháp?*

Đáp: Niệm Pháp có năm phần là: Ngũ Triền Cái, Ngũ Thủ Uẩn, Thập Bát Giới (gồm có lục căn, lục trần và lục thức), Thất Giác Chi và Tứ Thánh Đế. Khi pháp triền cái (*nīvaraṇa*) khởi sanh lên thì biết rõ pháp triền cái đã khởi sanh và phải thâm sát chú niệm về pháp triền cái ấy cũng là vô thường, khổ não và vô ngã. Lâu dần, khởi tâm chán nản không còn mê thích theo pháp triền cái ấy nữa và dứt bỏ sự cố chấp theo pháp triền cái ấy, tương tự như cách thẩm sát về thân.

***Vấn**: Thế nào gọi là Tứ Chánh Cần?*

Đáp: Tứ Chánh Cần *(Sammappadhāna)* là pháp nỗ lực tinh cần, đó là: nỗ lực tinh cần dứt bỏ pháp ác nào đã phát sanh lên trong tâm cho đoạn tận; nỗ lực tinh cần ngăn ngừa pháp ác nào chưa từng phát sanh lên đừng cho phát sanh; nỗ lực tinh cần cho làm pháp thiện nào chưa từng thực hiện cho được thực hiện; nỗ lực tinh cần làm cho pháp thiện nào đã từng thực hiện cho được kiên cố.

***Vấn**: Thế nào gọi là Tứ Như Ý Túc?*

Đáp: Tứ Như Ý Túc *(Iddhipāda)* là bốn pháp bền tảng làm cho phát sanh lên các pháp thắng trí thần thông. Đó là: *Chandiddhipāda – Dục Như Ý Túc*: Thành tựu mọi ước nguyện; *Viriyiddhipāda – Cần Như Ý Túc*: Sự nỗ lực thành tựu viên mãn; *Cittiddhipāda – Tâm Như Ý Túc*: Sự hiểu biết thành tựu viên mãn; *Vimamsiddhipāda – Thẩm Như Ý Túc*: Trí tuệ thành tựu viên mãn.

***Vấn**: Thế nào gọi là Ngũ Quyền?*

Đáp: Ngũ Quyền *(Indriya)* là năm pháp có quyền sáng tạo tác các pháp thiện. Gồm có: Tín quyền, Tấn quyền, Niệm quyền, Định quyền và Tuệ quyền. Lại nữa ngũ quyền được chia ra làm thành tám nhóm, đó là bảy bậc Thánh Hữu học *(Sekkha Puggala)* và một hạng phàm nhân thiện trí thức.

***Vấn**: Thế nào là Ngũ Lực?*

Đáp: Ngũ Lực *(Bala)* là năm pháp có nhiều năng lực tạo tác các pháp thiện. Gồm có: Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực và Tuệ lực. Ngũ lực có được nhiều năng lực là do bởi những yếu tố sau đây. Tín lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là: xa lánh người không có đức tin, thân cận với người có đức tin, thường suy xét đến Giáo pháp làm cho tâm hoan hỷ duyệt ý, tác ý khôn khéo và tự lập trường chân chánh. Tấn lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là: xa lánh người lười biếng, thân cận với người có sự tinh tấn, thường suy xét đến Tứ Chánh Cần, tác ý khôn khéo và tự lập trường chân chánh. Niệm lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là: xa lánh người không có sự ghi nhớ hoặc hay quên, thân cận người có sự ghi nhớ mạnh, và đầy đủ, thường suy xét đến Tứ Niệm Xứ, tác ý khôn khéo và tự lập trường chân chánh. Định lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu là: xa lánh người không có sự định tâm hay lao chao phóng dật, thân cận với người có sự định tâm mạnh và đầy đủ, thường suy xét đến thiền định và sự giải thoát, tác ý khôn khéo và tự lập trường chân chánh. Tuệ lực có nhiều năng lực là do bởi năm yếu tố là: xa lánh người si mê lầm lạc, thân cận với bậc có trí tuệ mạnh và đầy đủ, thường đọc hay nghiên cứu những kinh sách cao siêu, tác ý khôn khéo và tự lập trường chân chánh.

Hai pháp quyền và lực cũng có ý nghĩa như nhau, tuy nhiên một bên là nền tảng *(quyền – indriya)* và một bên là năng lực hoặc nghị lực *(lực – bala)* để đưa hành giả đến Niết-bàn. Tại đây lực có năm ý nghĩa là: không rung động, xao xuyến trước các pháp đối nghịch, như là không có đức tin v.v...; giúp đỡ các pháp liên kết làm cho được trong sạch các phận sự; làm cho tâm được vững vàng kiên cố; làm cho tâm sáng suốt trong các pháp giác ngộ; làm cho tâm được liễu tri chân lý; làm cho hành giả được an trú trong các pháp tịnh lặng, là Niết-bàn.

***Vấn**: Thế nào là Thất Giác Chi?*

Đáp: Thất Giác Chi *(Bojjhaṅga)* là bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, gồm có: Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, Hành xả giác chi. *Satibojjhaṅga – Niệm giác chi*: niệm hoặc ghi nhớ, hay trí nhớ là pháp quan trọng nhất, làm cho sự lợi ích được thành tựu, bởi vì con người khi làm bất luận việc gì do thân, khẩu mà được thành tựu mỹ mãn cũng đều do nhờ có sự ghi nhớ. Hơn nữa, sự ghi nhớ là pháp để giữ gìn trông nom các cửa, nhất là nhãn môn *(cakkhudvāra)* không cho các pháp ác xâm chiếm vào trong thân tâm, khi có các trần như sắc trần từ bên ngoài đến tiếp xúc với các cửa thì chế ngự không cho hai pháp vui và buồn phát sanh lên được. Ví như người giữ cửa thành trì, xem coi người nào đặng cho vào, còn người nào xấu ác không đáng cho vào thì ngăn cản lại và không mở cửa cho vô. Nhưng sự ghi nhớ tại đây là sự ghi nhớ chân chánh, là phải luôn luôn ghi nhớ theo Tứ Niệm Xứ. *Dhammacivaya sambojjhaṅga – Trạch pháp giác chi*: trí tuệ suy xét các pháp đúng theo phương cách để diệt trừ phiền não rồi thực hành theo pháp ấy. *Viriya sambhojjhaṅga – Tinh tấn giác chi*: tinh tấn là sự nỗ lực tinh cần theo Tứ Chánh Cần. *Pīti sambhojjhaṅga – Hỷ giác chi*: tâm hoan hỷ duyệt ý, vừa lòng thích ý, vì lẽ một khi làm việc chi đều do có tâm hoan hỷ duyệt ý mới mong được thành tựu. *Passaddhi sambhojjhaṅga – Khinh an giác chi:* tâm được tịnh lặng, thanh tịnh sẽ làm cho các công việc được thành tựu dễ dàng. *Sammādhi sambhojjhaṅga – Định giác chi*: tâm an trụ trong một cảnh mới đem lại cho thấy rõ thực tướng vô thường, khổ đau và vô ngã của ngũ uẩn một cách dễ dàng. *Upekkhā sambhojjhaṅga – Hành xả giác chi*: tâm quân bình, thản nhiên, không vui không buồn, an nhiên tự tại, là pháp cao quý nhất để làm cho được thanh tịnh trong các điều lợi ích.

***Vấn**: Thế nào là Bát chánh đạo?*

Đáp: Bát chánh đạo có tám chi, đó là: *Sammādiṭṭhi* – Chánh kiến: sự thấy chân chánh; *Sammāsaṅkappa – Chánh tư duy*: sự tư duy, nghĩ suy chân chánh; *Sammā vācā – Chánh ngữ*: lời nói chân chánh; *Sammā kammanta – Chánh nghiệp*: hành động chân chánh; *Sammā ājīva – Chánh mạng*: nuôi mạng chân chánh; *Sammāvāyāma – Chánh tinh tấn*: nỗ lực chân chánh; *Sammā sati – Chánh niệm*: sự ghi nhớ chân chánh; *Sammāsamādhi – Chánh định*: tâm an trụ chân chánh.

***Vấn**: Thế nào là Chánh Kiến?*

Đáp: Chánh Kiến là sự thấy trong nội tâm một cách chân chánh. Có bốn: *dukkha ñānaṃ* – tuệ liễu tri về mười hai sự khổ; *dukkha samudāya ñānaṃ* – tuệ liễu tri về nguyên nhân phát sanh lên những sự khổ; *dukkha nirodha ñānaṃ* – tuệ liễu tri việc diệt tận những sự khổ; *dukkha nirodhagāminiyā ñānaṃ* – tuệ liễu tri việc thực hành đưa đến nơi giải thoát khỏi sự khổ.

***Vấn**: Vậy Chánh Kiến có mấy thể loại?*

Đáp: Có hai thể loại về Chánh Kiến, đó là: *Lokīya diṭṭhi – Kiến hiệp thế:* là Chánh kiến của bậc phàm nhân, như nhận thấy làm các việc thiện thì quả an lành, làm các điều xấu ác thì gặt hái những quả khổ đau; *Lokuttara diṭṭhi – Kiến siêu thế*: là Chánh kiến của bậc Thánh nhân, như liễu tri tường tận về lý Tứ Thánh Đế. Nếu chia theo hạng người thì Chánh kiến có ba thể loại, đó là: Chánh kiến của bậc phàm nhân, Chánh kiến của bậc Thánh hữu học và Chánh kiến của bậc Thánh Vô học.

***Vấn**: Thế nào là Chánh Tư Duy?*

Đáp: Chánh Tư Duy là sự suy nghĩ chân chánh. Có ba chi, đó là: *Nekkhamma saṅkappa – Ly dục tư duy*: là sự suy nghĩ để thoát khỏi sự ái luyến trong ngũ dục lạc, hoặc suy nghĩ về sự cắt ái ly gia; *Abyāpāda saṅkappa – Ly sân hận tư duy*: là sự suy nghĩ không còn oán hận, oan trái; *Avihimsā saṅkappa – Ly oán hận tư duy:* là sự suy nghĩ không có sự hãm hại người khác, hoặc suy nghĩ đến tâm bi mẫn thương xót đến tất cả chúng sanh.

***Vấn**: Thế nào là Chánh Ngữ?*

Đáp: Chánh Ngữ là lời nói chân chánh. Có bốn chi, đó là: không nói láo (vọng ngữ), không nói đâm thọc (lưỡng thiệt), không nói lời thô ác ngữ, không nói lời vô ích. Hoặc nói ra điều chân chánh, nói ra lời dịu ngọt, nói ra lời hữu ích và nói với tâm từ ái đến cho người nghe.

***Vấn**: Thế nào là Chánh Nghiệp?*

Đáp: Chánh Nghiệp là việc làm chân chánh, như là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, hoặc làm các việc thiện như xả thí, trì giới hoặc các việc thiện do thân như quét dọn sân chùa, đền tháp v.v...

***Vấn**:* Thế nào là Chánh Mạng?

Đáp: Chánh Mạng là việc nuôi mạng chân chánh, như hàng Phật tử xa lánh năm điều không làm để nuôi mạng (không buôn bán chất say, không buôn bán vũ khí, không buôn bán thuốc độc, không buôn bán nô lệ, không buôn bán thú vật) và hàng xuất gia thì phải xa lánh hai mươi sáu tà mạng (không xem bói, không xem địa lý v.v...).

***Vấn**: Thế nào là Chánh Tinh Tấn?*

Đáp: Chánh Tinh Tấn là sự nỗ lực tinh cần như nỗ lực trong bốn pháp của Tứ Chánh Cần, nhất là nỗ lực cố gắng ngăn ngừa các pháp xấu ác chưa phát sanh lên không cho phát sanh.

***Vấn**: Thế nào là Chánh Niệm?*

Đáp: Chánh Niệm là sự ghi nhớ chân chánh, như sự ghi nhớ trong Tứ Niệm Xứ, hoặc niệm theo mười đề mục tùy niệm *(anussati)*.

***Vấn**: Thế nào là Chánh Định?*

Đáp: Chánh Định là tâm an trụ chân chánh trong bốn tầng thiền Sắc giới và Vô sắc giới. Hoặc là hành giả làm cho tâm thanh tịnh xa lìa ngũ trần và các pháp xấu ác, an trú vào trong tầng sơ thiền với tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất thống v.v...

***Vấn**: Bát chánh đạo nếu chia theo ba thể loại nghiệp báo thì chi đạo đi với loại nghiệp nào?*

Đáp: Nghiệp tạo ra từ ba nơi là: thân, lời và ý. Chánh nghiệp thuộc về thân nghiệp. Chánh ngữ thuộc về ngữ nghiệp. Chánh mạng thuộc về thân nghiệp và ngữ nghiệp. Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc về ý nghiệp.

***Vấn**: Nếu kết hợp Bát chánh đạo vào trong chi phần (khanḍa) về giới, định và tuệ thì chi đạo nào thuộc về chi phần nào?*

Đáp: Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc về phần tuệ. Chánh ngữ, Chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về phần giới. Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định thuộc về phần định.

***Vấn**: Tại sao trong Bát chánh đạo lại kể phần tuệ đầu tiên? Còn trong Pháp học lại kể phần giới đầu tiên?*

Đáp: Trong Bát chánh đạo, lại kể phần tuệ đầu tiên là vì tuệ ở đây còn yếu kém và là nguyên nhân. Vì ở trong Bát chánh đạo, lấy Chánh định làm quan trọng hơn bảy chi đạo còn lại là phụ thuộc vào Chánh định. Còn trong tam học thì Chánh định là nhân, tuệ là quả. Nhân quả có thể thay đổi với nhau, khi tuệ còn yếu kém thì tuệ là nhân, định là quả. Ví như trong Bát chánh đạo thì Chánh kiến là chi đạo dẫn đầu, là vì có Chánh kiến thấy rõ chân chánh rồi mới thọ trì giới. Có thọ trì giới rồi mới tu thiền nhập định được. Khi có được nhập định thì mới tiến tu thiền minh sát được. Như vậy thiền minh sát phát sanh, là do thiền định. Thiền định pháp sanh là do trì giới. Trì giới được là do có tuệ liễu tri chân chánh với Chánh kiến trong việc thấy chân chánh. Ví như người trồng cây, trước tiên lấy hạt giống đem gieo trồng. Hạt nẩy mầm lên cây, làm cỏ, vun phân tưới nước, cây sẽ mọc lớn lên có hoa và trái. Như vậy, trái quả là nhờ có cây, cây có là nhờ vào hạt giống là từ nơi trái quả. Vì vậy, nên nhân và quả mới có thể thay đổi với nhau theo như trên.

***Vấn**: Từ ngữ Pāli "Magga – Đạo" có ý nghĩa như thế nào?*

Đáp: Đạo là con đường dẫn dắt đưa đến Niết-bàn, hoặc là trạng thái diệt trừ lần lượt những phiền não. Như có câu Phật ngôn như sau: Kilese marento gacchanti maggo – Pháp nào có trạng thái diệt trừ phiền não một cách lần lượt, gọi là đạo.

***Vấn:** Vậy đạo diệt trừ phiền não một cách lần lượt trong quá khứ, trong vị lai hoặc trong hiện tại?* **Đáp:** Phiền não trong quá khứ cũng không có diệt trừ, phiền não trong hiện tại và vị lai cũng không có diệt trừ.

***Vấn:** Nếu phiền não trong quá khứ, hiện tại hoặc vị lai đều không được diệt trừ, như vậy sự thực hành cho chứng đắc đạo quả thành ra là vô ích hay sao?*

Đáp: Chẳng phải việc thực hành cho chứng đắc đạo quả là vô ích. Là vì phiền não trong quá khứ, hiện tại và vị lai là không phải phận sự của đạo diệt trừ được. Vì lẽ đạo diệt trừ, đó là diệt trừ nguyên nhân hay phương tiện để phát sanh ra những phiền não mà thôi. Ví như cây mới mọc chưa có trái quả. Nếu muốn chặt bỏ đừng cho mọc thêm nữa thì không cần chặt hạt giống trước kia, hoặc trái quả chưa có hoặc cây vừa mới mọc đó, mà người ta chỉ cần đào tận gốc rễ bỏ đi thì cây mới không có thể mọc lên được. Hành giả chứng đắc đạo được ví như người chặt đốn cây, hạt giống để mọc lên cây như phiền não trong vị lai, cây non vừa mới mọc đó ví như ngũ uẩn hoặc phiền não hiện tại, gốc rễ của cây ví như nguyên nhân của phiền não, nếu diệt trừ hay đào tận gốc rễ của nguyên nhân thì tất cả phiền não đều tự nó diệt tận. Cũng ví như cây mà người ta đào tất cả gốc rễ hết rồi vậy.

***Vấn:** Đạo có mấy bậc?* **Đáp:** Đạo có bốn bậc: Thất lai đạo, Nhất lai đạo, Bất lai đạo và Vô sanh đạo.

***Vấn:** Quả có mấy bậc?* **Đáp:** Quả cũng có bốn bậc tương tự với Đạo, là: Thất lai quả, Nhất lai quả, Bất lai quả và Vô sanh quả.

***Vấn:** Đạo có phận sự để diệt trừ phiền não, vậy còn quả dùng để diệt trừ cái chi?*

Đáp: Quả không có phận sự để diệt trừ cái chi cả, chỉ có sự thọ hưởng lấy sự an vui tịch tịnh mà thôi. Ví như bệnh nhân khi đã hết bệnh thì không cần phải dùng đến thuốc chữa trị nữa. Phiền não được ví như căn bệnh, đạo ví như thuốc chữa bệnh và sự lành mạnh hết bệnh được ví như quả. Như vậy, quả không cần phải diệt trừ bất luận phiền não nào cả.

Vấn: *Thánh pháp là để thoát khỏi tam giới, như vậy tại sao các bậc đã chứng đắc Thất lai quả, Nhất lai quả, Bất lai quả lại còn phải đi tục sanh trong tam giới nữa?*

Đáp: Quả thật vậy, Chánh pháp có năng lực dắt dẫn chúng sanh ra khỏi tam giới, vì lẽ đạo đã diệt trừ phiền não thì những phiền não ấy không thể phát sanh trở lại để đưa chúng sanh ấy đi tái tục được. Các vị chứng đắc đạo quả bậc thấp còn phải tục sanh là do năng lực của pháp thế gian. Các vị chứng đắc quả vị bậc thấp vẫn chưa diệt trừ hết các phiền não, cho nên những phiền não còn dư sót lại dẫn dắt các bậc này phải còn đi tục sanh trong tam giới nhiều hay ít, tùy theo phiền não mà đạo đã diệt trừ vẫn còn dư sót. Ví như mười hai tâm bất thiện đưa chúng sanh đi thọ sanh trong tứ ác đạo. Tám tâm Đại thiện Dục giới Tịnh hảo đưa chúng sanh đi thọ sanh trong Lục Dục giới Thiên và Nhân loại. Năm tâm Thiện Thiền Sắc giới đưa chúng sanh đi thọ sanh trong mười sáu cõi Phạm Thiên Sắc giới. Bốn tâm Thiện Thiền Vô Sắc giới đưa chúng sanh đi thọ sanh trong bốn cõi Phạm Thiên Vô Sắc giới. Còn tám Thánh pháp thì không có đưa chúng sanh đi thọ sanh trong cõi giới nào cả. Bởi vậy cho nên các bậc này không đi thọ sanh lại ở bất luận nơi nào, vì lý do những Thánh pháp ấy, còn tái tục trong một vài kiếp nữa, đó là do nơi pháp Thiện Hiệp thế dẫn dắt đi.

Vấn: *Ý nghĩa về Niết-bàn?*

Đáp: Niết-bàn là thoát khỏi phiền não bao vây chúng sanh, hoặc là pháp diệt tắt lửa phiền não, lửa khổ đau. Lửa phiền não đó là: lửa tham, lửa sân và lửa si phát sanh lên nơi nội tâm là cho tâm bị uế trược, nóng nảy, bực bội. Còn lửa khổ đau là lửa sanh, lửa bệnh, lửa chết, lửa buồn rầu, khóc than, thương tiếc, bực tức v.v... Chỉ có Niết-bàn mới diệt tắt lửa phiền não và lửa khổ đau, vì lẽ những loại lửa ấy không hiện hữu trong Niết-bàn. Hơn nữa, Niết-bàn lại diệt tất cả các Pháp hành vi *(saṅkhāra)* tạo tác, luôn cả tùy phiền não và ái dục. Niết-bàn không phải là đất, nước, lửa, gió, cũng không phải là cảnh giới của cõi Vô Sắc giới, cũng không phải ở trong vũ trụ này cũng như vũ trụ sẽ tới, hoặc cũng không phải là mặt trời hay mặt trăng. Niết-bàn không phải là đi từ làng này đến làng kia, xứ này qua xứ khác, bất sanh bất diệt, không có một trú xứ hoặc một cõi giới nào cả.

Vấn: *Tất cả trạng thái kể trên đều bác bỏ hết tất cả, như vậy, Niết-bàn là pháp rỗng không, không có hay sao?*

Đáp: Không phải như vậy, Niết-bàn quả là có thực. Tuy nhiên, vì Niết-bàn có trạng thái hết sức vi tế, chỉ có các bậc Thánh nhân mới khả năng để liễu tri được Niết-bàn qua tuệ nhãn mà thôi.

Vấn: *Nếu quả thật Niết-bàn là có thực, như vậy Niết-bàn ở tại nơi đâu?*

Đáp: Niết-bàn là một danh pháp vô sắc tướng *(arūpadhamma)* không có trú xứ như các sắc thân thô thiển. Nói ở gần cũng được, ở xa cũng được. Ở gần là ở kế bên khi diệt hết tham, sân, si. Còn ở xa thì Niết-bàn ở vượt thoát khỏi tam giới.

Vấn*: Chỗ nói Niết-bàn là danh pháp vô sắc, vậy thì trú xứ ở đó lấy cái chi nâng đỡ?*

Đáp: Có Pháp xứ *(Dhammāyatana)* nâng đỡ vì Niết-bàn là danh pháp mà Pháp xứ cũng là danh pháp, cho nên mới có thể nâng đỡ với nhau được. Ví như, mây khói có sắc vi tế, khó mà nắm bắt hoặc níu kéo lại được, như không khí cũng tương tự, cho nên mới nâng đỡ cho mây khói được. Hơn thế nữa, Niết-bàn quả là xác thực, ví như một quốc độ là có thật, thì khi muốn đến quốc độ ấy thì xứ ấy chắc chắn là có các con đường mà cuối con đường thì thế nào cũng đến quốc độ ấy được, như thế nào thì, Niết-bàn cũng có con đường Bát chánh đạo dắt dẫn đến cuối con đường thì lúc ấy sẽ đến Niết-bàn quả thật không sai vậy.

Vấn*: Quả là Niết-bàn có thức thì sao lại không được thấy?*

Đáp: Vì Niết-bàn là pháp "không phải là vật công cộng *(asādhārana)*" cho nên muốn thấy Niết-bàn phải là bậc Thánh nhân đã xa lìa phiền não mới thấy được, còn như hạng phàm nhân thì còn đầy phiền não và tội lỗi thì làm sao có thể thấy được. Ví như có con ếch mẹ khi thì ở dưới nước với các ếch con (con nòng nọc), khi thì nhảy lên bờ khô đi chỗ này chỗ nọ. Khi trở về lại với nước thì các con ếch con mới hỏi mẹ đi đâu? Ếch mẹ nói: "Mẹ đi lên trên bờ khô đất liền". Mấy con ếch con nói: "Mẹ nói con không tin, vì nếu có đất khô sao các con không thấy, không biết". Ếch mẹ liền cười và nói: "Quả là bờ đất liền có thực nhưng các con chưa có thể thấy được là vì các con còn cái đuôi thì làm sao thấy đất liền được. Chờ khi nào các con rụng cái đuôi thành ra con ếch rồi, khi ấy các con sẽ thấy đất liền không sai". Bài ngụ ngôn này có ý nói con ếch mẹ như bậc đã chứng đắc đạo quả. Đất liền ví như là Niết-bàn. Con nòng nọc như là hạng phàm nhân. Cái đuôi ví như phiền não, khi rụng đuôi thì sẽ thấy được đất liền. Như khi diệt được phiền não thì sẽ thấy Niết-bàn vậy. Cho nên, nói Niết-bàn là pháp không phải công cộng cho hàng phàm nhân mà là một "Pháp đặc biệt" vậy.

Vấn*: Như vậy Niết-bàn còn dư sót cái chi?* **Đáp:** Chỉ còn lại tuệ quả *(phalañāna)* mà thôi.

Vấn*: Tuệ quả ấy do từ đâu?*

Đáp: Tuệ quả ấy có được do nhờ sự thẩm sát chú niệm các Pháp hành, nhất là ngũ uẩn theo mười pháp Tuệ quán. Ví như trái dừa nếu để lâu thì nó sẽ thúi hư, còn đem trồng thì nó sẽ mọc ra một cây khác nữa, nếu không muốn cho nó thúi hư hoặc mọc ra cây khác nữa thì đem nạo trái dừa ra và thắng lấy dầu dừa, dầu để lâu cũng không thúi hư và cũng chẳng còn giống để mọc ra cây khác được nữa. Cũng như Niết-bàn thanh lọc ra từ trong ngũ thủ uẩn do nhờ vào kết quả của tuệ quán vậy.

Vấn: Niết-bàn là sự an vui tuyệt đối hay là còn lẫn lộn với sự khổ đau? **Đáp:** Niết-bàn là sự an vui tuyệt đối, nên được gọi là *"Ekantaparama sukha* – An vui thù thắng".

Vấn: *Nếu Niết-bàn quả có thực và an vui tuyệt đối, như vậy có thể ví dụ hình tướng hoặc sự an vui tuyệt đối như thế nào của Niết-bàn hay không?*

Đáp: Không thể đem ra ví dụ với việc này, vật nọ được, vì Niết-bàn vô cùng vi tế, vượt qua khỏi tất cả các sự vật trong vũ trụ, cũng như biển cả thực là hữu hình, tuy nhiên với người chưa từng thấy biển cả lần nào thì làm sao mà đem ra ví dụ so sánh biển bao lớn, nước biển thì số lượng là bao nhiêu, trong biển có bao nhiêu cá v.v...

Vấn: *Niết-bàn không có thể đem ra ví dụ được, nhưng ân đức của Niết-bàn có thể so sánh với trạng thái nào khác không?*

Đáp: Có thể so sánh một cách tương đối được, chứ quả thật không thể so sánh một cách tuyệt đối được. Ví như giọt nước không thể dính trên lá sen như thế nào, thì phiền não không thể hiện hữu trong Niết-bàn được dường thế ấy. Hoặc ví như một người khát nước và nhờ uống được nước thì khỏe khoắn như thế nào, thì Niết-bàn cũng làm cho con người được an vui thanh tịnh dường thế ấy, vì lẽ Niết-bàn đã diệt tận phiền não đã làm cho nó nóng nảy, bực tức, khát khao, khổ sở vậy.

Vấn: *Niết-bàn có đặc tính như thế nào?* **Đáp:** Niết-bàn có đặc tính là diệt tận các pháp vô minh, ái dục, tham, sân, si, luôn tất cả pháp làm cho chúng sanh bị uế trược, phải chịu luân hồi mãi trong vòng sanh tử.

Vấn: *Niết-bàn có phận sự như thế nào?* **Đáp:** Niết-bàn có phận sự là bất tử *(acuti)* – không ở dưới mãnh lực của tất cả pháp hữu vi nào, Niết-bàn là bất sanh bất diệt, không rã tan. Hơn nữa, Niết-bàn có phận sự là làm cho thân tâm của bậc Thánh nhân được an vui, thanh tịnh, tịnh lạc, tự tại, thoát khỏi tất cả sự bận rộn, bực tức, nóng nảy của thân tâm.

***Vấn**: Cái chi là quả của Niết-bàn?* **Đáp:** Niết-bàn có trạng thái thoát khỏi "Cảnh giới của pháp hữu vi". Hơn nữa, Niết-bàn là nguyên nhân diệt tất cả các pháp nghịch, nhứt là tham dục *(kāmagāra)* là quả.

***Vấn:** Niết-bàn có những ân đức chi?*

Đáp: Niết-bàn có nhiều ân đức, có thể bao gồm trong ba mươi hai ân đức như sau: *ajāti* – vô sanh; *ajaraṃ* – bất lão; *abyādhi* – không đau đớn; *nibbhayaṃ* – không có điều kinh sợ; *asankhataṃ* – không có nguyên nhân cấu tạo; *bhavabhindaṃ* – bẻ gãy tam giới; *sukhaṃ* – an vui; *khemaṃ* – an tịnh; *tānaṃ* – là nơi nương nhờ; *lenaṃ* – là nơi ẩn núp; *niccaṃ* – không thay đổi; *acalaṃ* – không rúng động; *dhuvasassataṃ* – trường tồn; *avattasāraṃ* – không còn luân hồi; *sukhamaddanaṃ* – dứt bỏ sự an vui hiệp thế của cảnh người và thiên giới; *khudda maddanaṃ* – chế ngự sự đói; *pipasañca vinayaṃ* – dứt bỏ sự khát; *manālayaṃ* – không có sự luyến tiếc; *sammagghāṭa vajjaṃ daṭthesaṃ* – diệt trừ các điều tội lỗi nơi nội tâm; *visaṅkhāraṃ* – không còn pháp hữu vi của danh và sắc; *vivajjaṃ* – không có điều tội lỗi; *taṇhākhayaṃ* – diệt trừ ái dục; *vibhavaṃ* – xa lìa tam giới; *virāgaṃ* – không có tham dục; *vitamohaṃ* – không còn si mê; *nirodhaṃ* – diệt sự khổ; *animiṭṭaṃ* – không còn hiện tượng; *santabhāvaṃ* – phiền não được chìm lắng; *arāsākaraṃ* – niết-bàn không có hương vị của ái dục; *appasāsañca* – dứt bỏ sự vui thích trong tâm; *sitaṃ* – mát mẻ; *amataṃ* – bất tử.

Trên đây, là những Thánh pháp mà Đức Phật đã khéo léo giảng giải một cách thiện hảo như vậy.

***Vấn:** Ý nghĩa của từ ngữ "Sandiṭṭhiko"?*

Đáp: Là pháp mà chính chư Thánh nhân thấy rõ nhờ kiến tánh. Có nghĩa là khi chư Thánh nhân đã diệt trừ phiền não rồi thì tự mình liễu tri Thánh đạo *(Ariyamagga).* Với hạng phàm phu, khi chưa diệt trừ được phiền não, nhứt là tham dục thì có lúc suy nghĩ mưu mô để hãm hại người khác, hoặc có khi cũng hại mình, phải chịu lãnh khổ đau. Còn như các bậc Thánh nhân liễu tri chân lý, là chứng đắc đạo quả rồi thì không còn có tâm toan tính hãm hại ai cả, nên hằng được sự an vui, bởi do nhờ kiến tánh. Hơn nữa, bốn đạo, bốn quả và một Niết-bàn chính là pháp Thánh mà bậc đã giác ngộ rồi thì không còn nghe và tin theo người khác nữa, bởi tự mình kiến tánh thấy chắc, biết chắc do nhờ vào tuệ minh sát. Lại nữa, các bậc Thánh nhân đã chiến thắng được phiền não do nhờ kết hợp với Thánh quả và Niết-bàn.

***Vấn**: Ý nghĩa của từ "Akāliko"?*

Đáp: Là pháp chứng đắc đạo quả không chờ ngày giờ. Có nghĩa là khi thánh đạo đã phát sanh lên cho người nào rồi thì thánh quả liền phát sanh ngay kế đó,

không chậm trễ, không có thời gian để chờ đợi như năm, bảy ngày hay là một ngày hoặc nửa ngày rồi mới trổ sanh thánh quả. Có nghĩa là tâm đổng lực đạo khởi sanh lên rồi diệt mất thì tâm đổng lực quả phát sanh lên kế liền sát-na, không có một tâm đổng lực nào khác xen vào được. Do vậy, mới được gọi là "Pháp không chờ thời gian".

Vấn*: Ý nghĩa của từ ngữ "Ehipassiko"?*

Đáp: Là pháp khi đã chứng đắc đạo quả rồi thì có thể chỉ dạy cho người khác được biết, được thấy về Thánh pháp. Vì lẽ Thánh pháp có trạng thái xác thực, thanh tịnh. Ví như trong tay của người không có vàng thì không thể nào kêu một ai đến thấy được. Thánh pháp là chánh pháp, là chân lý, thanh tịnh trong suốt như vầng trăng rằm, hoặc chiếu sáng như ngọc ma ni, do vậy mới xứng đáng để cho người khác được đến nhìn xem.

Vấn*: Ý nghĩa của từ ngữ "Opanayiko"?*

Đáp: Là pháp của các bậc Thánh nhân nên để trong nội tâm mà thẩm sát chú niệm. Có nghĩa là Thánh pháp mà các bậc Thánh nhân đã để trong nội tâm rồi thì cho dù bị lửa cháy đốt xác thân cũng không nao núng. Hơn nữa, Thánh đạo đang chú mục vào Thánh quả và Niết-bàn cũng gọi là "thẩm sát chú niệm ở nội tâm".

Vấn*: Trong câu Phật ngôn "Paccattam veditabbo vinnūhi'ti" là có ý nghĩa như thế nào?*

Đáp: Là pháp mà các bậc Thượng trí tự chứng tri nơi nội tâm. Có nghĩa là có ba bực Thánh nhân, là hạng Thượng trí, Trung trí và Hạ trí, tự liễu tri ở nội tâm rằng: "Đạo quả mà ta đã thực hành xong rồi, Niết-bàn là nơi diệt khổ mà ta đã làm cho thấu đáo rồi". Vì lẽ Thánh nhân chỉ có các hạng Thánh nhân được liễu tri ở nội tâm mà thôi.

Hơn nữa, một thuở nọ, đại trưởng lão Upavaṇa đi đến đảnh lễ Đức Phật và tác bạch rằng: "Kính bạch đức Thế Tôn, Pháp thường được đọc tụng với câu kệ như sau Sandiṭṭhiko cho đến Paccattaṃ veditabbo viññūhi'ti có nghĩa là tự mình liễu tri chân lý v.v... do bởi nguyên nhân nào?" Đức Phật trả lời rằng: "Này Upavaṇa, vị tỳ kheo trong Giáo pháp này, khi nhãn căn thấy sắc trần thì có cảm giác biết rõ ta vui hay buồn, biết rõ sự ưa thích trong sắc trần ấy, biết rõ ta có sự ưa thích trong sắc trần ấy. Khi nhĩ căn tiếp xúc với thinh trần, tỷ căn tiếp xúc với khí trần, thiệt căn tiếp xúc với vị trần, thân căn tiếp xúc với xúc trần, ý căn tiếp xúc với pháp trần, rồi khởi sanh cảm thọ liễu tri ta có vui hay buồn đối với những pháp trần ấy, biết rõ sự ưa thích trong những pháp trần ấy, biết rõ ta có sự ưa thích trong những pháp trần ấy. Này Upavaṇa, vị tỳ kheo liễu tri ta vui hay buồn đối với pháp trần ấy, biết rõ sự ưa thích trong pháp trần ấy, biết rõ ta có sự ưa thích

trong pháp trần ấy, do bởi nguyên nhân nào. Này Upavaṇa, Pháp mà người được chứng tri về chân lý rõ như thế vậy". Hoặc khi tiếp xúc giữa lục căn với lục trần, liền biết rõ lục trần ấy làm cho tâm khởi lên sự ưa thích và không ưa thích theo lục trần ấy, rằng ta không có tâm ưa thích theo lục trần ấy, như vậy gọi là pháp mà bậc Thượng trí tự thấy, tự biết ở nơi tâm. Do vậy được gọi là *Opanayiko*.

Về ân đức Pháp Bảo như đã được giảng giải ở trên đây, đều là những ân đức cao thượng thù thắng của bậc Thánh nhân mà hạng phàm nhân không thể có được.

Dứt phần Ân đức Pháp bảo.

Saṅgha Guṅa – Ân Đức Tăng Bảo

Vấn: *Từ ngữ "Saṅgha – Tăng đoàn" có ý nghĩa như thế nào? Có mấy hạng? Có bao nhiêu ân đức?*

Đáp: Từ ngữ "*Saṅgha* – Tăng đoàn" có ý nghĩa là "Nhóm" hoặc "Hội chúng". Có hai hạng là "*Sammati Saṅgha* – Phàm Tăng" là một nhóm tỳ kheo tăng từ bốn vị tu sĩ xuất gia trở lên để hành tăng sự, và chưa chứng đắc Thánh đạo Thánh quả. Và "*Ariya Saṅgha* – Thánh tăng" là một nhóm tỳ kheo đã chứng đắc Thánh đạo Thánh quả.

Tăng đoàn có nghĩa là "gần nhau" là vì các bậc Thánh nhân cho dù ở xa cách nhau, ở xứ này hay xứ nọ, khác biệt nhau về dòng giống, nhưng cũng gọi là gần nhau, vì chỉ có một khuôn khổ là giới đức và kiến thức tương tự như nhau. Hơn nữa, Tăng đoàn có nghĩa là "người đào tận phiền não", bởi vì các vị ấy cố gắng đào bới các gốc rễ phiền não, nhứt là tham dục cho thoát khỏi ở nơi thân tâm. Tăng đoàn nếu chia theo hạng Thinh văn thì có hai thể loại, là Phàm Thinh văn (*Puthujjana Sāvaka*) và Thánh Thinh văn (*Ariya Sāvaka)*. Nhóm người chỉ nghe những huấn từ của Đức Phật hay là của các hàng Thinh văn đệ tử Phật, nhưng vẫn chưa chứng đức đạo quả, chỉ có đức tin thuần túy và đã quy y Tam bảo, gọi là Phàm Thinh văn. Còn nhóm người khi được Giáo pháp của Đức Phật hoặc được nghe từ bậc Thinh văn đệ tử Phật, rồi được chứng đắc đạo quả ngay trong lúc đang thính pháp hoặc được thính pháp xong, đem ra thực hành trong một thời gian sau đó, rồi chứng đắc đạo quả, gọi là Thánh Thinh văn. Hàng chư tăng ấy có rất nhiều ân đức, nhứt là "supaṭipanno" các ngài đã thực hành rất tốt đẹp.

Vấn*: Thế nào gọi là thực hành rất tốt đẹp?* **Đáp:** Các ngài đã thực hành đúng theo chánh pháp, thực hành không trở lui lại, thực hành cho đến Niết-bàn, thực hành không trái nghịch và thực hành theo Giáo pháp.

Vấn*: Như thế nào gọi là thực hành đúng theo Chánh pháp?* **Đáp:** Là khi đã thực hành cho đến thành bậc Thánh nhân thì không khi nào lùi trở lại làm bậc phàm nhân được.

Vấn*: Như thế nào gọi là thực hành cho đến Niết-bàn?* **Đáp:** Là thực hành theo thiền minh sát cho đến tuệ thuận tùng xuôi theo chiều Niết-bàn.

Vấn*: Như thế nào gọi là thực hành không trái nghịch?* **Đáp:** Là thực hành không trái nghịch lại với Niết-bàn.

Vấn*: Như thế nào gọi là thực hành theo Giáo pháp?*

Đáp: Là thực hành đúng theo Giáo pháp *“Dhammānudhammappaṭipadā – Pháp tùy thuận Giáo pháp*, là con đường đi Niết-bàn. Vì lẽ các ngài thực hành cho đến đạo quả, nên gọi là thực hành theo Giáo pháp. Hơn nữa, chư tăng thực hành theo huấn từ của Đức Phật đã giảng dạy, không sai trật chút nào, gọi là thực hành tốt đẹp. Lại nữa, các ngài lấy giới luật làm hàng rào để ngăn ngừa kẻ nghịch là điều tội lỗi và phiền não. Lấy định làm nền tảng để chế ngự các pháp ác xâm nhập vào các tâm thiện. Lấy trí tuệ làm ngọn đèn soi sáng bên trong các pháp hữu vi, nhứt là ngũ uẩn cho thấy rõ là vô thường, khổ đau, vô ngã, và làm cho trí tuệ sắc bén để diệt tận các pháp ngủ ngầm trong tâm rất vi tế. Với bậc tu tập hạng thấp thì các ngài cũng chứng đắc Thất lai quả và diệt được ba hạ phần kiết sử (*samyojana*) là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Do tự mình thấy rõ sự thanh tịnh duyên bởi tam vô lậu học là giới, định, tuệ, nên được gọi là thực hành tốt đẹp.

Vấn: Từ ngữ “Ujupatipanno” có nghĩa như thế nào?

Đáp: Là thực hành không nghiêng ngả, nương theo con đường trung đạo, trực chỉ thẳng đến Niết-bàn, không ngả nghiêng pháp lợi dưỡng (*kāmasukhallikānuyoga*), không ngả nghiêng theo pháp khổ hạnh (*attakilamathānuyoga*), tất cả đều là con đường sai trật và không thể đến Niết-bàn. Hơn nữa, các ngài thực hành chân chánh để dứt bỏ sự cứng rắn, sự nghịch ngợm, quanh co, gian xảo của thân, lời, ý, nên được gọi là thực hành chân chánh.

Vấn: Từ ngữ “Nāyapatipanno” có nghĩa như thế nào? **Đáp:** Là các ngài thực hành cho được giác ngộ Niết-bàn.

Vấn: Như thế nào gọi là thực hành cho được giác ngộ Niết-bàn? **Đáp:** Là thực hành đúng theo Chánh pháp cho thấy rõ Niết-bàn. Hơn nữa, các ngài thực hành cho thoát khỏi vòng luân hồi, không vì danh hoặc vì lợi để về các cõi Thiên giới, hoặc nếu muốn cho mọi người khen ngợi trong hiện tại, cho nên mới gọi là “Nāyapatipanno”.

Vấn: Từ ngữ “Sāmicipatipanno” có nghĩa như thế nào? **Đáp:** Là các ngài thực hành xứng đáng cho người lễ bái.

Vấn: Như thế nào là thực hành xứng đáng cho người lễ bái? **Đáp:** Các ngài thực hành theo con đường chân chánh, là giới, định, tuệ, trau dồi thân, lời, ý trực thẳng đến Niết-bàn xứng đáng cho người chấp tay vái chào, lễ bái.

Vấn: Câu kệ là "Yadidaṃ cattāri purisayugāni attha prurisapuggalā" có ý nghĩa như thế nào? **Đáp:** Là chư tăng, nếu đếm đôi thì có bốn bậc, còn nếu đếm chiếc thì có tám bậc.

Vấn: Nếu đếm đôi thì có bốn bậc và nếu đếm chiếc thì có tám bậc có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Bậc đã chứng đắc đạo và quả Thất lai là một đôi. Bậc đã chứng đắc đạo và quả Nhất Lai là một đôi. Bậc đã chứng đắc đạo và quả Bất Lai là một đôi. Bậc đã chứng đắc đạo và quả Vô sinh là một đôi. Còn nếu tính theo chiếc riêng lẻ thì có bốn bậc chứng đắc đạo và bốn bậc chứng đắc quả, thành ra có tám bậc.

Vấn: Với bậc đã chứng đắc quả Thất lai thì dứt bỏ được những tâm bất thiện nào?

Đáp: Dứt bỏ được bốn tâm tham tương ưng kiến và một tâm si hoài nghi, kết hợp lại thành năm tâm bất thiện. Dứt bỏ được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Dứt bỏ được hai pháp ngủ ngầm là tà kiến ngủ ngầm và hoài nghi ngủ ngầm.

Vấn: Sự thẩm sát của bậc Thất lai như thế nào? **Đáp:** Sự thẩm sát của bậc Thất lai có năm điều là: thẩm sát về đạo; thẩm sát về quả; thẩm sát về phiền não đã dứt bỏ; thẩm sát về phiền não còn dư sót; thẩm sát về Niết-bàn.

Vấn: Có mấy hạng bậc Thất lai?

Đáp: Có ba hạng bậc Thất lai. *Ekabijī:* là bậc còn phải tái tục lại làm người một lần nữa rồi mới chứng đắc quả Vô sanh và không còn tái sanh nơi nào nữa cả. *Kolamkola:* là bậc phải tái sanh vào gia tộc này hoặc gia tộc khác trong hai hoặc ba kiếp rồi mới chứng đắc quả Vô sanh. *Sattakkhattum parama:* là bậc phải tái tục vào cõi Thiên giới và Nhân loại trong bảy kiếp rồi mới chứng đắc quả Vô sanh và viên tịch Niết-bàn trong kiếp cuối cùng này.

Vấn: Tại sao lại phải chia bậc Thất lai ra làm nhiều hạng như vậy?

Đáp: Các bậc ấy sai biệt với nhau là vì do nơi tuệ minh sát, như bậc chỉ còn một kiếp nữa là nhờ vào tuệ minh sát mạnh mẽ, sáng suốt mãnh liệt. Với bậc còn hai hoặc ba kiếp nữa là do việc tu tập tuệ minh sát chỉ là trung bình, không mãnh liệt lắm. Với bậc còn bảy kiếp là tuệ minh sát hơi yếu kém.

Vấn: Bậc Thất lai có đầy đủ pháp nào? **Đáp:** Bậc Thất lai có đầy đủ giới hạnh.

Vấn: Ngoài ra, bậc Thất Lai còn chia thêm hạng nào nữa không?

Đáp: Ngoài ba hạng vừa kể trên, còn chia theo sát-na *(khana).* Tâm dứt bỏ phiền não có hai mươi bốn bậc là: lấy bốn Pháp hành *(patipadā)* nhân cho hai phận sự *(dhūra),* như là: bậc còn một kiếp đều có bốn Pháp hành; bậc còn hai hoặc ba kiếp cũng có bốn Pháp hành; bậc còn bảy kiếp cũng có bốn Pháp hành. Tất cả có mười hai Pháp hành và đem nhân cho hai phận sự nữa, thì thành ra có hai mươi bốn hạng cả thảy.

Vấn*: Với bậc đã chứng đắc quả Nhất lai thì dứt bỏ được những tâm bất thiện nào?*

Đáp: Dứt bỏ được bốn tâm tham tương ưng kiến, hai tâm sân tương ưng khuể phẩn. Dứt bỏ được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Dứt bỏ được hai pháp ngủ ngầm là tà kiến ngủ ngầm và hoài nghi ngủ ngầm. Làm giảm bớt hai hạ phần kiết sử còn lại là tham dục thô thiển và sân hận thô thiển. Còn phải tục sanh lại trong cõi Dục giới một lần nữa rồi mới chứng đắc quả Vô sanh và viên tịch Niết-bàn. Các ngài cũng thẩm sát năm pháp như bậc Thất lai vậy.

Vấn*: Bậc Nhất lai nếu chia theo sát-na tâm dứt bỏ phiền não thì có được mấy hạng?*

Đáp: Có tất cả mười hai hạng, là chia theo ba pháp giải thoát *(vimokkha),* mỗi pháp giải thoát có bốn Pháp hành, do vậy có được mười hai hạng.

Vấn*: Với bậc đã chứng đắc quả Bất lai thì dứt bỏ được những tâm bất thiện nào?*

Đáp: Dứt bỏ được tám tâm tham, hai tâm sân tương ưng khuể phẩn. Dứt bỏ được ba hạ phần kiết sử là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Dứt bỏ được hai hạ phần kiết sử còn lại là tham dục và sân hận. Các ngài cũng thẩm sát năm pháp như bậc Thất lai vậy.

Vấn*: Bậc Bất lai chia ra làm mấy hạng?* **Đáp:** Chia ra làm năm hạng, đó là: *Antaraparinibbāyi*: là khi tục sanh về cõi Phạm Thiên Sắc giới chưa đến phân nửa tuổi thọ ở cõi Phạm Thiên ấy thì được chứng đắc quả Vô sanh và Niết-bàn luôn lúc ấy; *Upahacca parinibbāyi*: là khi tục sanh về cõi Phạm Thiên Sắc giới được hơn phân nửa và gần hết tuổi thọ ở cõi Phạm Thiên ấy thì được chứng đắc quả Vô sanh và Niết-bàn luôn lúc ấy; *Asankhāra parinibbāyi*: là bậc chứng đắc quả Vô sanh và dứt bỏ năm thượng phần kiết sử một cách dễ dàng, không khó khăn chi cả; *Sasankhāra parinibbāyi*: là bậc tu tập để dứt bỏ năm thượng phần kiết sử và chứng đắc quả Vô sanh một cách vô cùng khó khăn, phải cố gắng hết sức mới thành đạt được; *Uddhamsoto akanitthagāmi*: là bậc tục sanh về Ngũ

Tịnh Cư Sắc giới thiên *(Suddhāvāsa)* và tiến tu tuần tự theo hết năm cõi Sắc giới thiên rồi mới chứng đắc quả Vô sanh và Niết-bàn luôn lúc ấy.

Việc tiến tu tuần tự theo từng cõi Phạm Thiên Sắc giới như sau. Do tín mạnh, bậc Bất lai tục sanh về cõi Vô Phiền Sắc giới thiên *(Avihā)* cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về cõi Vô Nhiệt Sắc giới thiên. Do tấn mạnh, bậc Bất lai tục sanh về cõi Vô Nhiệt Sắc giới thiên *(Atappā)* cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về cõi Thiện Hiện Sắc giới thiên. Do niệm mạnh, bậc Bất lai tục sanh về cõi Thiện Hiện Sắc giới thiên *(Sudassā)* cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về cõi Thiện Kiến Sắc giới thiên. Do định mạnh, bậc Bất lai tục sanh về cõi Thiện Kiến Sắc giới thiên *(Sudassī)* cho hết tuổi thọ tại đây và tục sanh về cõi Sắc Cứu Cánh Sắc giới thiên. Do tuệ mạnh, bậc Bất lai tục sanh về cõi Sắc Cứu Cánh Sắc giới thiên *(Akaniṭṭha)* thì chứng đắc quả Vô sanh và dứt bỏ năm thượng phần kiết sử, viên tịch Niết-bàn luôn lúc ấy. Trong bốn cõi đầu tiên là từ cõi Vô Phiền Sắc giới thiên cho đến cõi Thiện Kiến Sắc giới thiên có đủ cả năm hạng, do đó kết hợp lại thì có được hai mươi hạng. Riêng về cõi Sắc Cứu Cánh Sắc giới thiên thì trừ ra hạng thứ năm, là *Uḍḍhamasolo akanitthagāmi*, do đó, bậc Bất lai có được hai mươi bốn hạng và nhân cho hai phận sự *(dhūra)* là tín phận sự *(saddhādhūra)* và tuệ phận sự *(paññādhūra)* như thế có được bốn mươi tám hạng.

***Vấn**: Bất lai có đầy đủ những pháp chi?* **Đáp:** Các ngài có đủ pháp thiền định.

***Vấn**: Còn bậc Vô sanh dứt bỏ được bao nhiêu pháp bất thiện?* **Đáp:** Các ngài dứt bỏ tất cả những mười hai tâm bất thiện. Dứt bỏ được năm pháp thượng phần kiết sử, là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh. Và ba pháp ngủ ngầm là ngã mạn, ái dục và vô minh.

***Vấn**: Bậc Vô sanh thẩm sát những pháp chi?* **Đáp:** Các ngài thẩm sát chỉ có bốn pháp như ở bậc Thất lai. Không có việc thẩm sát ở phần những phiền não còn dư sót, vì lẽ các ngài đã diệt trừ tuyệt hết phiền não.

***Vấn**: Bậc Vô sanh chia ra làm mấy bậc?* **Đáp:** Bậc Vô sanh được chia ra làm bốn bậc, đó là: *sukhavipassako – lục quán (thiền khô)*: là các bậc do nhờ tu tập tuệ quán làm cho phiền não khô cạn hết và chứng đắc quả Vô sinh, và không có chứng đắc các pháp thắng trí; *chalabhiñño – lục thắng trí*: là các bậc chứng đắc quả Vô sanh luôn các chứng đắc lục thắng trí; *paṭisambhido – vô ngại giải*: là các bậc đã chứng đắc quả Vô sanh cùng với tứ ngại giải; *te vijjo – tam minh*: là các bậc chứng đắc quả Vô sanh cùng với tam minh. Cả bốn bậc Vô sanh này chia ra làm hai nhóm, là *sukhavipassako* và *sammtha yānaka.* Nếu chia theo ba pháp *vimokkha* thì trong mỗi *vimokkha* (giải thoát) có bốn pháp, thành ra có được mười

hai bậc cho cả hai nhóm *sukkhavipassako* được mười bậc, và *sammatha yānaka* được mười bậc. Kết hợp lại cả hai nhóm này lại thì có được hai mươi bốn hạng.

***Vấn**: Các bậc Vô sanh có đầy đủ những pháp chi?* **Đáp:** Các bậc Vô sanh có đầy đủ trí tuệ. Kết hợp lại, tất cả các bậc Thánh nhân có đến một trăm lẻ tám, là: hai mươi bốn hạng thuộc về bậc Thất lai; mười hai hạng thuộc về bậc Nhất Lai; bốn mươi tám hạng thuộc về bậc Bất lai; hai mươi hạng thuộc về bậc Vô sanh.

***Vấn**: Thế nào gọi là Pháp hành?* **Đáp:** Có bốn loại Pháp hành, đó là: *dukkhapaṭipadābhiññā*: khi thực hành một cách khổ sở và khi chứng đắc đạo quả cũng rất khó khăn; *sukhāpaṭipadā dandābhiññā*: khi thực hành rất dễ dàng, nhưng khi chứng đắc đạo quả lại khó khăn; *dukkhāpaṭipadā khippābhiññā*: khi thực hành rất khó khăn nhưng khi chứng đắc đạo quả một cách dễ dàng; *sukhāpaṭipadā khippābhiññā*: khi thực hành rất dễ dàng và khi chứng đắc đạo quả cũng rất dễ dàng.

***Vấn**: Do bởi những nguyên nhân nào có sự thực hành khó khăn và dễ dàng?*
Đáp: Do hành giả có sự sai biệt về nền tảng (*indriya* – quyền và phiền não – *kisela*) mạnh yếu khác nhau như sau. Hành giả thực hành khó khăn và chậm trễ là do bởi phiền não quá mạnh và khi chứng đắc đạo quả chậm trễ là do bởi nền tảng của quyền yếu kém. Ví như người bị bệnh nặng đi bộ đến nhà bác sĩ, khi đi đến cũng lâu và khó khăn. Khi đến được rồi và bác sĩ chữa trị, thì lại đi kiếm thuốc, thuốc lại rất khan hiếm, do vậy phải rất lâu và rất nhiều khó khăn mới được lành bệnh. Hành giả thực hành dễ dàng mau chóng và khi chứng đắc đạo quả lại chậm trễ khó khăn là do bởi phiền não ít, nhưng nền tảng của quyền lại rất yếu kém. Ví như người bệnh nhẹ, khi đi đến nhà bác sĩ thì rất mau nhưng lúc đi kiếm thuốc thì thuốc lại rất khan hiếm, do đó cũng rất lâu lành bệnh. Hành giả thực hành rất lâu và khó khăn, khi chứng đắc đạo quả thì lại rất dễ dàng và mau lẹ. Ví như người bị bệnh nặng, đi bộ đến nhà bác sĩ thì rất lâu và khó khăn, nhưng khi chữa bệnh thì lại dễ dàng và mau lành bệnh vì có thuốc đầy đủ dồi dào. Hành giả thực hành mau lẹ và dễ dàng, khi chứng đắc đạo quả cũng mau chóng. Ví như người bị bệnh nhẹ, khi đến nhà bác sĩ cũng mau lẹ và khi chữa bệnh cũng mau lẹ và dễ dàng, là do nhờ có thuốc dồi dào và đầy đủ.

Phiền não ví như căn bệnh, ngũ quyền ví như thuốc chữa bệnh, hơn nữa, ví như người đi tìm kiếm bò. Với người thứ nhất, khi đi kiếm bò thì phải đi vào rừng sâu và khi gặp bò cũng ở trong rừng già. Dường thế ấy, hành giả khi thực hành cũng khó khăn và khi chứng đắc đạo quả cũng chậm trễ. Với người thứ hai, khi đi kiếm bò thì đi theo con đường làng dễ dàng, nhưng khi gặp bò thì lại gặp ở trong rừng già. Dường thế ấy, hành giả khi thực hành rất dễ dàng nhưng khi chứng đắc đạo quả lại chậm trễ, khó khăn. Với người thứ ba, khi đi kiếm bò thì

đi vào trong rừng già, nhưng khi hặp bò lại ở nơi đồng cỏ. Dường thế ấy, hành giả khi thực hành rất khó khăn, nhưng khi chứng đắc đạo quả thì lại dễ dàng mau lẹ. Với người thứ tư, khi đi kiếm bò thì đi theo con đường làng và khi gặp bò cũng ở nơi đồng cỏ. Dường thế ấy, hành giả khi thực hành cũng mau lẹ dễ dàng và khi chứng đắc đạo quả cũng dễ dàng mau chóng.

Ngụ ngôn về người đi kiếm bò là hành giả, bò là Thánh nhân, rừng già là phiền não nhiều, đường làng là phiền não ít. Hành giả thực hành và chứng đắc đạo quả sai biệt với nhau, như đã giải thích ở phần trên.

***Vấn**: Từ ngữ "Esa bhagavato sāvakasangho" có nghĩa như thế nào?* **Đáp:** Tất cả chư tăng như vừa giải thích ở trên, đều là Thinh văn đệ tử của Đức Phật.

***Vấn**: Từ ngữ "Āhuneyyo" có nghĩa như thế nào?* **Đáp:** Là các ngài xứng đáng thọ lãnh tứ vật dụng của những thí chủ đem đến cúng dường.

Giải thích rằng: Tứ vật dụng, nhất là y casa mà tín thí từ gần hoặc xa đem đến để dâng cúng cho người có giới hạnh. Tất cả tứ vật dụng ấy, chư tăng là bậc Thinh văn đệ tử của Đức Phật xứng đáng để thọ lãnh, bởi vì các ngài có thể làm cho tứ vật dụng ấy có được nhiều phước báu, do bởi thiện công đức của các ngài. Cho nên mới gọi là người xứng đáng thọ lãnh tứ vật dụng của tín thí.

***Vấn**: Từ ngữ "Pāhuneyyo" có nghĩa như thế nào?* **Đáp:** Là các ngài xứng đáng thọ lãnh tứ vật dụng mà người sắm sửa dùng để đãi khách.

Giải thích rằng: Những vật dụng mà người sửa soạn để tiếp rước thân bằng quyến thuộc quý mến từ phương xa đến, nhưng lại đem đến dâng cúng cho chư tăng. Vì những người khách đến ấy, không có đủ đức hạnh bằng chư tăng. Hơn nữa, các ngài có oai nghi xứng đáng cho người phát tâm trong sạch, quý mến, nhất là giới đức. Bởi vậy, tứ vật dụng dùng để tiếp đãi khách từ phương xa, lại mang ra đem dâng cúng đến cho các ngài.

***Vấn**: Từ ngữ "Dakkhineyyo" có nghĩa như thế nào?* **Đáp:** Là các ngài xứng đáng thọ lãnh các vật dụng của *Dukkhinādāna*.

Giải thích rằng: Người có đức tin về lý nhân quả, đem vật dụng ra để xả thí, gọi là dukkhinādāna. Chư tăng là bậc Thinh văn có thể làm cho phước thí của thí chủ được nhiều quả phước báu, nên xứng đáng thọ lãnh của phước thí ấy.

***Vấn**: Từ ngữ "Anjālikāraniyo" có nghĩa như thế nào?* **Đáp:** Là các ngài xứng đáng cho chúng sanh lễ bái.

Giải thích rằng: Chư tăng là Thinh văn đệ tử của Đức Phật, các ngài xứng đáng cho chúng sanh lễ bái, là vì các ngài có nhiều phước lành. Với chúng sanh hội

túc duyên khi được trông thấy các ngài với cặp mắt từ ái, hoặc với cặp mắt cảm mến, hoặc từ nơi sự cung kính lễ bái thì quả phước báu trổ sanh cho những kiếp sau được sanh trong dòng giống cao quý và có nhiều quyền tước cao trọng.

***Vấn**: Câu kệ là "Anuttaraṃ punnakkhettam lokassa'ti" có nghĩa như thế nào?*
Đáp: Các ngài phước điền của chúng sanh không đâu sánh bằng.

Giải thích rằng: Chư tăng là Thinh văn đệ tử của Đức Phật là thửa ruộng quý báu nhất của chúng sanh không đâu sánh bằng. Khi con người muốn gieo hạt giống chi, như là lúa nếp, đậu mè, bắp khoai chi chi, cũng đều đi tìm kiếm thửa ruộng có nhiều phẩm chất phì nhiêu để gieo trồng hạt giống của mình lên thửa ruộng ấy,với sự ước mong cho mùa màng, cây trái hoa quả tốt đẹp, như thế nào thì chúng sanh cũng dường thể ấy, khi muốn gieo trồng hạt giống lành là phước báu của mình thì cũng mong cầu cho được nhiều phước báu, nên phải chọn lựa mảnh đất phước điền, là người thọ lãnh phước thí của mình có nhiều đức lành trong sạch, nhứt là đã xa lìa các phiền não thô thiển hay vi tế, mới có thể làm cho phước thí được kết quả dồi dào không sai, cũng như gieo hạt giống trên miếng ruộng tốt, ít cỏ dại, không có lẫn lộn cát, đá, sạn v.v... thì cây trái mùa màng mới được trổ đầy những hoa quả vậy.

Hơn nữa, hạt giống mà gieo trên miếng ruộng có đầy đủ tám chi mới có nhiều quả, tám chi đó là: ruộng không cao lắm, không thấp lắm; ruộng không có đá sạn; đất không mặn lắm; ruộng sâu và mát mẻ; có nhiều phẩm chất phì nhiêu; không có sự tai hại, như sâu bọ; có đường nước dẫn vào ruộng (thủy điền); có bờ đê đắp quanh ruộng. Hạt giống mà người gieo lên thửa ruộng có tám chi sẽ được nhiều hoa quả sung túc như thế nào, thì phước thí mà con người đã dâng cúng đến chư tăng là ruộng phước báu có tám chi cũng sẽ được nhiều phước báu vô lượng vậy. Tám chi ấy là: chư tăng là Thinh văn đệ tử của Đức Phật có chánh kiến; có chánh tư duy; có chánh ngữ; có chánh nghiệp; có chánh mạng; có chánh tinh tấn; có chánh niệm; có chánh định. Như bài kệ của Đức Phật có nói: "Tiṇadosāni khettāni rāgadosā ayaṃ pajā tasmāhi vitarāgesu dinnaṃ hoti mahapphalaṃ. Tiṇadosāti khettāni dosadosā ayaṃ pajā tasmāhi vitadosesu dinnaṃ hoti mahapphalaṃ. Tiṇadosāti khettāni icchādosā ayaṃ pajā tasmāhi vitaticchesu dinnaṃ hoti mahapphalaṃ – Chúng sanh bị tham dục là tội lỗi, bởi vậy cho nên phước thí mà người đã cúng dường đến bậc không có tham dục sẽ được nhiều phước báu. Tất cả thửa ruộng, bị cỏ là vật tội lỗi. Chúng sanh bị sự sân hận là tội lỗi, bởi vậy cho nên phước thí mà người cúng dường đến bậc đã xa lìa sân hận sẽ được nhiều báu. Tất cả thửa ruộng, bị cỏ là vật tội lỗi. Chúng sanh bị sự si mê là tội lỗi, bởi vậy cho nên phước thí mà người cúng dường đến bậc đã xa lìa si mê sẽ được nhiều phước báu".

Chư tăng có danh hiệu từ *Āhuneyyo* đến *Puññakkhetaṃ lokassa* đều có năm chi khác nữa ví như con voi của đức vua, đó là: *sotā*: biết nghe lời dạy của thằng nài;

hantā: khi vào chiến đấu thì cố gắng giết cho được kẻ địch; *rakkhitā*: biết giữ gìn các bộ phận khi chiến đấu; *khantā:* nhẫn nại làn gươm, mũi đạn khi chiến đấu; *gantā:* luôn luôn tuân theo ý muốn của thằng nài. Con voi nào có năm chi như vậy thì mới xứng đáng cho đức vua tín dụng dùng xài trong khi chiến đấu như thế nào thì chư tăng là bậc Thinh văn đệ tử của Đức Phật có danh hiệu như *Āhuneyyo* cũng có năm chi, đó là: *sotā:* thích nghe pháp của Đức Phật giảng giải; *hantā*: biết tận diệt ba tà tư duy; *rakkhitā*: biết thu thúc lục căn; *khantā*: biết nhẫn nại trong mọi việc, nhứt là sự lạnh, sự nóng v.v...; *gantā*: là người trực chỉ thẳng đến Niết-bàn là nơi con người thường ít đi đến.

Hơn nữa, tất cả ân đức tăng đã kể trên nếu kết hợp chỉ có hai đức lành là: ân đức tự ngã (*attahetu guṇa*), ân đức tha nhân (*parahettu guṇa*). Chỗ câu nói từ *supatipanno*... đến *sāmicipatipanno* gọi là *attahetu guṇa* – ân đức tự ngã, ân đức có lợi ích cho cá nhân mình. Chỗ câu nói từ *āhuneyyo*... đến *anuttaraṃ puññakkhettaṃ* gọi là *parahetu guṇa* – ân đức tha nhân, ân đức có lợi ích cho người khác.

Đến đây là tóm lược tất cả Ân đức của Tăng bảo.

Dứt phần Ân đức Tăng bảo

Soạn xong tại Phổ Minh Tự, tháng Giêng, năm Giáp Dần, Tháng 2/1974 – 2517

Đại Trưởng lão Bửu Chơn

– Dứt tác phẩm 5. Ân đức Pháp và Tăng bảo –